

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2022/DS-PT

Ngày: 29/6/2022

V/v *Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản và hợp đồng mua bán tài
sản*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 06 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 05 năm 2022 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 77/2021/DS-ST ngày 07-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2022/QĐ-PT ngày 26-5-2022, Thông báo số 271/TB-PT ngày 06-6-2022 về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 03, thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Huỳnh Nguyễn Bảo D – Văn phòng luật sư N thuộc đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Vợ chồng ông Y, sinh năm 1969; Bà M, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: ông Y, bà M – bị đơn.

(Các đương sự và luật sư có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:**

Trước ngày 11/01/2020 tôi có cho vợ chồng ông Y, bà M vay tiền nhiều lần, nhưng đến ngày 11/01/2020 chốt nợ lại với nhau thì vợ chồng ông Y, bà M còn nợ tôi số tiền 120.000.000 đồng, hẹn đến ngày 11/12/2020 sẽ trả nhưng đến nay vẫn chưa trả, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Đến ngày 05/3/2020 vợ chồng ông Y, bà M vay của tôi 330 kg cà phê nhân, thời hạn trả tháng 12.2020 trả cùng 120.000.000 đồng. Khi viết giấy xác nhận nợ có con gái M1 và con gái út M2 cùng ký vào giấy nợ. Đến nay tôi nhiều lần yêu cầu trả nợ vợ chồng ông Y, bà M vẫn không chịu trả. Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Y, bà M trả cho số tiền 120.000.000 đồng gốc, cùng tiền lãi tính từ 11/01/2020 cho đến nay là 19 tháng, $120.000.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 19 \text{ tháng} = 22.800.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng cả gốc và lãi là 142.800.000 đồng và 330 kg cà phê nhân rô khô.

Ngoài ra, vợ chồng ông Y, bà M không nợ tôi khoản nào khác.

*** Theo bản tự khai, bị đơn vợ chồng ông Y, bà M trình bày:**

Vợ chồng tôi thừa nhận có nợ bà M 100.000.000 đồng và 330 kg cà phê nhân theo giấy xác nhận nợ ngày 11/01/2020 và ngày 05/03/2020 có hai con gái M1, M2 cùng ký tên. Hẹn đến ngày 11/12/2020 sẽ trả, lãi suất do hai bên thỏa thuận với nhau. Từ đó đến nay vợ chồng tôi chưa trả được lãi cho bà M do làm ăn khó khăn. Nay vợ chồng tôi đồng ý trả cho bà M 100.000.000 đồng gốc cùng tiền lãi tính từ 11/01/2020 cho đến nay là 19 tháng, $100.000.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 19 \text{ tháng} = 19.000.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng cả gốc và lãi là 119.000.000 đồng và 330 kg cà phê nhân rô khô.

Ngoài ra vợ chồng tôi không nợ bà M khoản nào khác.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 77/DS-ST ngày 07-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản và về mua bán tài sản. Buộc vợ chồng ông Y bà M có nghĩa vụ thanh toán cho bà M tổng số tiền 154.020.000đ (*Một trăm năm mươi bốn triệu không trăm hai mươi ngàn đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 21-9-2021, bị đơn ông Y, bà M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà hôm nay: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đồng thời, cho rằng chỉ vay của nguyên đơn số tiền 100.000.000đ và 330 kg cà phê nhân nên không đồng ý với bản án sơ thẩm. Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng bị đơn kháng cáo quá hạn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn thông báo cho bị đơn đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên đề nghị xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân

sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị: đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với chị M1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn: Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đ nợ gốc, 15.770.000 nợ lãi và 11.220.000đ tiền cả phê.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Y, bà M trả số tiền vay 120.000.000 đồng + lãi phát sinh và 330 kg cà phê nhân rô (robusta) khô (thực chất là mua bán cà phê non), bị đơn cho rằng chỉ nợ 100.000.000 đồng và 330 kg cà phê nên phát sinh quan hệ tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp Hợp đồng dân sự về vay tài sản và về hợp đồng mua bán tài sản*” là đúng quy định.

[2] Về tố tụng: Phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án ngày 07/9/2021, theo dấu công văn đến thì bị đơn nộp đơn kháng cáo đến Tòa án nhân dân huyện Đ ngày 21/9/2021 (BL số 52) là kháng cáo trong hạn. Tuy nhiên, do đơn kháng cáo là bản photocopy nên Tòa án đã thông báo cho bị đơn làm lại, sửa đổi, bổ sung đơn kháng cáo nhưng do ông Y đi rừng không có nhà nên không đến Tòa. Ngày 16/11/2021 bị đơn đến Tòa án để viết lại đơn kháng cáo và đóng tiền tạm ứng án phí – biên lai thu số 0007809 ngày 16/11/2021 (theo Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 20/TB-TA ngày 08/11/2021 – BL số 57, 60). Như vậy, ngay từ đầu bị đơn đã nộp đơn kháng cáo trong hạn. Sau đó, bị đơn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí đến Tòa án đúng thời hạn theo Thông báo của Tòa án cấp sơ thẩm nên không xem là kháng cáo quá hạn.

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Y, bà M và chị M1 trả nợ. Cấp sơ thẩm xác định chị M1 là người làm chứng là không đúng. Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với chị M1 nên đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với chị M1.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Y, bà M thì thấy rằng:

Bà M khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Y, bà M trả số tiền vay 120.000.000 đồng + lãi phát sinh và 330 kg cà phê nhân rô (robusta) khô. Chứng cứ bà M xuất trình là giấy nhận nợ có nội dung “*ngày 11-01-2020, Tôi tên là Y cùng vợ tôi là M thôn M cùng con gái là M1 có vay của cô M Q với số tiền là 120.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn). Hẹn đến ngày 11.12.2020 là trả số tiền trên... 5/3/2020 A Y, chị H lấy 330 ký cà phê nhân*” (BL số 21). Giấy nợ do con gái bị đơn là M2 viết, có chữ ký xác nhận của vợ chồng ông Y, bà M và chị M1 (con bị đơn). Chứng cứ nguyên đơn xuất trình đã có sự không thống nhất: số tiền bằng số là 120.000.000 đồng nhưng bằng chữ là một trăm triệu đồng. Trước đây nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 100.000.000 đồng cũng theo giấy nhận nợ ghi ngày 11-01-2020 (thông báo thụ lý số 19/TB-TLVA ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ). Do nguyên đơn rút đơn khởi kiện nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày ngày 11-01-2020 nguyên đơn cho bị đơn vay nhiều lần, các lần khác đã trả xong là mâu thuẫn với lời trình bày của nguyên đơn tại giai đoạn sơ thẩm “*Trước ngày 11/01/2020 tôi có cho vợ chồng ông Y, bà M vay tiền nhiều lần, nhưng đến ngày 11/01/2020 chốt nợ lại với nhau thì...*” (BL số 24). Như vậy, ngày

11/01/2020 giữa nguyên đơn và bị đơn chốt nợ, theo đó bị đơn nợ nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng, hạn đến ngày 11/12/2020 sẽ trả, do bị đơn không trả được tiền lãi nên nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn viết lại giấy nhận nợ nhiều lần như bị đơn trình bày là đúng. Do đó, cần chấp nhận trình bày của bị đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng.

Về tiền lãi: nguyên đơn và bị đơn đều xác định có thỏa thuận lãi nhưng giấy nợ không ghi mức lãi suất, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án là có tranh chấp về tiền lãi. Căn cứ khoản 2, điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, lãi suất được tính như sau: $100.000.000đ \times 0.83\% \times 19 \text{ tháng} = 15.770.000đ$.

+ Đối với khoản nợ 330kg cà phê nhân rô khô: Vợ chồng ông Y bà M cũng đồng ý trả theo yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, vợ chồng ông Y, bà M có trách nhiệm thanh toán cho bà M 330 kg cà phê nhân rô khô, quá trình giải quyết vụ án hai bên thống nhất tính giá cà phê là 39.400đ/1 kg. Tuy nhiên, bà M chỉ yêu cầu tính giá 34.000đ/kg, thành tiền là 330 kg x 34.000đ = 11.220.000đ.

Tổng cộng, vợ chồng ông Y bà M phải trả cho bà M 100.000.000đ tiền vay gốc + 15.770.000 tiền lãi + 11.220.000đ tiền 330kg cà phê nhân rô khô = 126.990.000đ (Một trăm hai mươi sáu triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Y, bà M. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[3] Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là $(154.020.000đ - 126.990.000đ) \times 5\% = 1.351.500$ đồng.

Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là $126.990.000đ \times 5\% = 6.349.500$ đồng.

Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên ông Y, bà M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

+ Đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đối với chị M1.

+ Chấp nhận kháng cáo của ông Y, bà M. Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản.

Buộc vợ chồng ông Y, bà M có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị M tổng số tiền 126.990.000đ (Một trăm hai mươi sáu triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng)).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Buộc ông Y, bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.349.500 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007809 ngày 16-11-2021 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007212 ngày 25-01-2022 đều của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Ông Y, bà M còn phải nộp 5.749.500 đồng án phí.

Buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu 1.351.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 3.700.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0006822 ngày 25-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Hoàn trả cho bà M số tiền 2.348.500 đồng án phí còn dư.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC (01);
- VKSND tỉnh LĐ (01);
- TAND H. Đ (02);
- Phòng KTNV&THA (01);
- Các đương sự (04);
- Lưu AV – HS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Nguyệt

